| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:2340 /QĐ-UBND | *Lạng Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 3 huyện: Cao Lộc, Bình Gia, Lộc Bình**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 833/BC-STC ngày 27/10/2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành**

1. Tên dự án: Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 3 huyện: Cao Lộc, Bình Gia, Lộc Bình.

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường).

3. Địa điểm thực hiện: thành phố Lạng Sơn, huyện Bình Gia, huyện Cao Lộc và huyện Lộc Bình (nay là các phường: Đông Kinh, Lương Văn Tri, Tam Thanh, Kỳ Lừa; các xã: Bình Gia, Tân Văn, Hồng Phong, Hoa Thám, Thiện Long, Thiện Thuật, Quý Hoà, Thiện Hoà, Cao Lộc, Đồng Đăng, Khánh Khê, Tân Đoàn, Ba Sơn, Công Sơn, Lộc Bình, Na Dương, Mẫu Sơn, Khuất Xá, Lợi Bác, Thống Nhất, Xuân Dương).

4. Thời gian khởi công: năm 2019; thời gian hoàn thành: tháng 6/2023.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Chi phí đầu tư *Đơn vị: đồng*

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư được duyệt | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|---|---|---|---|
| **Tổng số** | | **58.230.000.000** | **31.616.222.000** |
| 1 | Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai | 1.713.000.000 | 1.564.730.000 |
| 2 | Hợp phần 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và vận hành trên hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu (MPLIS) | 50.261.000.000 | 27.792.469.000 |
| - | *Trang bị thiết bị phục vụ vận hành CSDL đất đai ở địa phương:* | *4.584.000.000* | *4.419.600.000* |
| - | *Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh: Đã phê duyệt quyết toán tại QĐ số 1806, 1808/QĐ-UBND ngày 06/11/2023:* | *45.677.000.000* | *23.372.869.000* |
| 3 | Hợp phần 3: Quản lý dự án | 4.906.000.000 | 2.259.023.000 |
| 4 | Chi phí dự phòng: | 1.350.000.000 | 0 |

2. Vốn đầu tư *Đơn vị: đồng*

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư được duyệt | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|---|---|---|---|
| | **Tổng số** | **58.230.000.000** | **31.616.222.000** |
| 1 | Vốn đầu tư công: | 58.230.000.000 | 31.616.222.000 |
| 1.1 | Vốn vay ODA: | 58.230.000.000 | 24.635.379.725 |
| - | *Vốn vay ODA NSTW cấp phát:* | | *22.171.841.753* |
| - | *Vốn vay ODA NST vay lại:* | | *2.463.537.972* |
| 1.2 | Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: | | 6.980.842.100 |
| 2 | Vốn khác: | 0 | 0 |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 2.395.644.000 đồng *(chi phí xây dựng kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số, đào tạo, hội nghị, hội thảo, phụ cấp cán bộ kiêm nhiệm và công tác phí cho Ban Quản lý dự án).*

4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án: 29.220.578.000 đồng.

5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng: 0 đồng.

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

| Số TT | Nội dung | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **Tổng số** | | **31.616.222.000** | |
| 1 | Vốn đầu tư công: | 31.616.222.000 | |
| 1.1 | Vốn vay ODA: | 24.635.379.725 | |
| - | *Vốn vay ODA NSTW cấp phát:* | *22.171.841.753* | |
| - | *Vốn vay ODA NST vay lại:* | *2.463.537.972* | |
| 1.2 | Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: | 6.980.842.100 | |
| 2 | Vốn khác: | 0 | |

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 0 đồng.

*(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 đính kèm Quyết định này).*

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VI và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(NNT).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**Đinh Hữu Học**